

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2020

V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách và bà Phan Thị Nhụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Thư ký TAND huyện QV

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, Tỉnh BN mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 145/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 (Có mặt)

STQ: Thôn ĐC, xã NS, thành phố BN, tỉnh BN

HKTT: Thôn MD, xã PM, huyện QV, tỉnh BN

- Bị đơn: Anh Đặng Văn K, sinh năm 1987 (Có mặt)

STQ: Thôn MD, xã PM, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đặng Văn K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 26/10/2012. Trước khi cưới anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã PM cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau H thuận, hạnh phúc. Thời gian ngắn sau thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, cách sống, anh K không chịu khó làm ăn, ham chơi và nhiều lần đánh chị. Sự việc này đã được gia đình can thiệp nhiều lần nhưng anh K vẫn không sửa đổi làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng dần không có lòng tin và sự tôn trọng nhau. Từ cuối năm 2019, chị đã đưa con về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Trong thời gian sống ly thân, con chung vẫn đi lại cả hai nơi và anh K cũng đến nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng khi chị không đồng ý thì anh K lại thách thức và đánh chị nên chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh K được nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn K.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có sinh được 02 con chung là Đặng Phương T, sinh ngày 17/6/2013 và cháu Đặng Văn Minh K, sinh ngày 03/4/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, trong đơn khởi kiện, chị đề nghị anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị không yêu cầu anh K về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2020 và các lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Đặng Văn K trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị Thu H trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã PM cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống và về kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng anh có đánh cãi chửi nhau nhiều lần và anh có đánh chị H có lần phải đi viện nhưng do anh sơ ý. Anh thừa nhận có chơi bời và ít quan tâm đến gia đình nên đã làm chị H phải suy nghĩ. Cuối năm 2019, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn và chị H đã đưa con về nhà để ở từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh đã nói chuyện với chị H về việc bỏ qua cho nhau để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, bản thân anh nhận thấy, tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và anh còn thương vợ và muốn lo cho vợ con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của cô H.

- *Về con chung*: Anh xác nhận vợ chồng có sinh được 02 con chung như cô H trình bày ở trên. Nếu buộc phải ly hôn, anh đồng ý để chị H tiếp tục được nuôi dưỡng các cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm dựa trên sự tự nguyện và khả năng của mình, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi H giải, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh K và xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phía anh K không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và mức cấp dưỡng nuôi con như chị H yêu cầu nếu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ

đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Đặng Văn K

Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Phương T, sinh ngày 17/6/2013 và cháu Đặng Văn Minh K, sinh ngày 03/4/2018 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị Thu H và anh Đặng Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã PM cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 04/12/2012, vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới anh, chị về chung sống cùng nhau H thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống, anh K không chịu khó làm ăn, ham chơi và nhiều lần đánh chửi chị H dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng dần không còn lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Trong các buổi làm việc và tại phiên tòa, anh K đã thừa nhận anh đã nhiều lần đánh chửi chị H, không chịu khó làm ăn và xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành xác minh thực trạng hôn nhân giữa anh K và chị H tại địa phương. Qua làm việc với đại diện UBND xã PM, trưởng thôn MD và ông Đặng Văn Nên là bố đẻ của anh K đã xác định trong thời gian vợ chồng chị H và anh K sinh sống có cãi nhau thường xuyên thậm chí đánh nhau và gia đình đã can thiệp nhiều lần, nguyên nhân do K không có việc làm và ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình. Hiện chị H về nhà đẻ sinh sống và không còn chung sống cùng anh K.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Đặng Văn K là có thật và đã diễn ra trong khoảng thời gian dài. Trong thời gian chung sống anh chị đã được gia đình, địa phương tác động H giải để gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn xảy ra nhiều lần mâu thuẫn, nhiều lần đánh cãi, chửi nhau làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với thực tế đời sống vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật, cần xử cho chị H được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 02 con chung là cháu Đặng Phương T, sinh ngày 17/6/2013 và cháu Đặng Văn Minh K, sinh ngày 03/4/2018. Hiện hai con

chung chủ yếu do chị H nuôi dưỡng, và chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đã đưa ra được tài liệu chứng minh về điều kiện và công việc ổn định bảo đảm việc nuôi dưỡng các con chung, cháu T cũng có bản khai thể hiện nguyện vọng được ở cùng mẹ. Đồng thời anh K cũng xác định nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng theo yêu cầu của chị H. Xét việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế nuôi dưỡng và quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự.

- Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết.
- Án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Đặng Văn K.

Con chung: Giao con chung là cháu Đặng Phương T, sinh ngày 17/6/2013 và cháu Đặng Văn Minh K, sinh ngày 03/4/2018 cho chị Trần Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Đặng Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ 1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh K có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000976 ngày 07/5/2020 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

